

Số: /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4536/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 26.11/GPMT-JS ngày 26/11/2024 của Công ty TNHH Jing Sheng Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 16.01/CVMT-JS ngày 16/01/2025 của Công ty TNHH Jing Sheng Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án Jing Sheng Việt Nam” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Jing Sheng Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án Jing Sheng Việt Nam” tại các lô đất L7.1, L7.2B, L7.6, L7.7B, Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án Jing Sheng Việt Nam”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Các lô đất L7.1, L7.2B, L7.6, L7.7B, Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0202027082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 30/5/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 6 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 2102389805 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/5/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 15/7/2024.

1.4. Mã số thuế: 0202027082

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ nhựa dùng để đóng gói, bán thành phẩm bằng nhựa; cốc, nắp cốc, ống hút bằng nhựa và nhựa PLA; giấy ăn; hộp giấy; các loại hộp đựng gia vị; sản phẩm, dụng cụ khác bằng giấy và cho thuê nhà xưởng đôi dư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 35.737,4 m².
- Quy mô, công suất:
 - + Đồ nhựa dùng để đóng gói: 3.000 tấn;
 - + Bán thành phẩm bằng nhựa: 3.000 tấn;
 - + Cốc, nắp cốc, ống hút bằng nhựa và nhựa PLA: 2.000 tấn;
 - + Giấy ăn: 1.800 tấn;
 - + Hộp giấy: 1.200 tấn;
 - + Các loại hộp đựng gia vị: 50.000 tấn;
 - + Sản phẩm, dụng cụ khác bằng giấy: 5.000 tấn.
- + Doanh thu dự kiến từ hoạt động cho thuê nhà xưởng đôi dư: 1.500.000 đô la mỹ/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành

kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Jing Sheng Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Jing Sheng Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Công khai Giấy phép môi trường, thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày tháng năm 2025 đến hết ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn;
- Công ty TNHH Jing Sheng Việt Nam;
- Công ty Liên doanh KCN Đồ Sơn HP;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSDT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT (để công khai);
- Lưu: VT.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý được thu gom về hệ thống dẫn nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Jing Sheng Việt Nam đã ký Hợp đồng thuê lại lô đất L7.1, L7.2B, L7.6, L7.7B, Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn với Công ty Liên doanh KCN Đồ Sơn Hải Phòng (theo Hợp đồng thuê đất số 50/REV/HĐTD ngày 30/5/2020, phụ lục NT2022 ngày 31/12/2021 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 840635 (số vào sổ cấp GCN: CT 28440) do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/4/2024).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại 04 bể tự hoại (tổng dung tích 29,4m³) và nước thoát sàn được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải từ nhà vệ sinh qua bể tự hoại 3 ngăn + nước thoát sàn → Hệ thống xử lý nước thải (công suất 20 m³/ngày, quy trình xử lý: nước thải → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng) → Hệ thống thoát chung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng.

- Công suất thiết kế:

+ 04 bể tự hoại, tổng dung tích 29,4m³ (trong đó: 01 bể tự hoại tại nhà xưởng sản xuất 1 tầng, dung tích 5,6m³, 01 bể tự hoại tại nhà xưởng sản xuất 3 tầng dung tích 7,1m³, 01 bể tự hoại tại nhà xưởng sản xuất 5 tầng dung tích 12,4 m³, 01 bể tự hoại tại nhà bảo vệ dung tích 4,3m³).

+ 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hoá chất vào bể khử trùng.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Mẫu nước thải tại bể thu gom. Tọa độ: X(m) = 2293862; Y(m) = 605973.

+ Mẫu nước thải tại ga thu cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng. Tọa độ: X(m)= 2293864, Y(m)= 605326.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Vị trí	Thông số giám sát	Tiêu chuẩn so sánh
Mẫu nước thải tại bể thu gom	pH, BOD ₅ , TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, dầu mỡ động thực vật, sunfua, tổng chất rắn hòa tan, tổng chất hoạt động bề mặt, coliform	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng
Mẫu nước thải tại ga thu cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng		

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1 Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2 Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ cơ sở quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án. Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải theo cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

3.4 Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng để tiếp tục xử lý nước thải xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng năm 2025 của
Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại tầng 1 – xưởng 01 (5 tầng).
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại 12 dây chuyền máy đùn ống nhựa tại tầng 2 - xưởng 01 (5 tầng).
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại tầng 1 – xưởng 02 (3 tầng).
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 1 – xưởng 02 (3 tầng).
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 2 – xưởng 02 (3 tầng)
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ 05 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại nhà xưởng 03 (1 tầng).
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ máy nghiền mảnh nhựa tại tầng 1 – nhà xưởng 01 (5 tầng);
- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ máy nghiền mảnh nhựa tại tầng 1 – nhà xưởng 02 (3 tầng);

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

+ Dòng khí thải 01: Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 01 (03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại tầng 1 (xưởng 01)) và nguồn số 02 (12 dây chuyền máy đùn ống nhựa tại tầng 2 (xưởng 01)); tọa độ: $X(m) = 2293801$; $Y(m) = 605888$.

+ Dòng khí thải 02: Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 03 (03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại tầng 1 – xưởng 02 (3 tầng)) + nguồn số 04 (02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 1 (xưởng 2)) và nguồn số 05 (02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 2 (xưởng 2)); tọa độ: $X(m) = 2293801$; $Y(m) = 606013$.

+ Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải

của nguồn số 06 (05 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại nhà xưởng 03); tọa độ: $X(m) = 2293738$; $Y(m) = 605990$.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $29.000 \text{ m}^3/\text{h}$. Trong đó:

+ Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $15.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

+ Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $7.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

+ Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $7.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.3. Phương thức xả khí thải: khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục theo ca làm việc bằng quạt hút.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	mg/Nm^3	-	12 tháng/lần (Theo đề xuất của doanh nghiệp)	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động (Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Propylen oxit	mg/Nm^3	240		
3	Etylen oxit	mg/Nm^3	20		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh từ 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại tầng 1 – xưởng 01 và 12 dây chuyền máy đùn ống nhựa tại tầng 2 - xưởng 01 được thu gom bằng chụp hút, sau đó lần lượt được theo đường ống dẫn khí vào tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý. Khí sạch được xả ra ngoài qua ống thoát khí 01.

- Khí thải phát sinh từ 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa + 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 1 – xưởng 02 và 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 2 – xưởng 02 được thu gom bằng chụp hút, sau đó lần lượt được theo đường ống dẫn khí vào tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý. Khí sạch được xả ra ngoài qua ống thoát khí 02.

- Khí thải phát sinh từ 05 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại xưởng 03 được thu gom bằng chụp hút, sau đó theo đường ống dẫn khí vào tháp hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý. Khí sạch được xả ra ngoài qua ống thoát khí 03.

- Bụi phát sinh từ máy nghiền mảnh nhựa tại tầng 1 – nhà xưởng 01 (5 tầng) được thu gom bằng máy hút bụi công nghiệp. Bụi được thu gom tại túi lọc bụi của máy hút bụi công nghiệp. Khí thải sau khi xử lý sẽ đi qua túi lọc xả thải ngay trong xưởng.

- Bụi phát sinh từ máy nghiền mảnh nhựa tại tầng 1 – nhà xưởng 02 (3 tầng) được thu gom bằng máy hút bụi công nghiệp. Bụi được thu gom tại túi lọc bụi của máy hút bụi công nghiệp. Khí thải sau khi xử lý sẽ đi qua túi lọc xả thải ngay trong xưởng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống xử lý:

+ Các nguồn số 01, 02: Khí thải phát sinh từ 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại tầng 1 (xưởng 01) + 12 dây chuyền máy đùn ống nhựa tại tầng 2 (xưởng 01) → chụp hút → đường ống dẫn khí → tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → quạt hút (công suất: 15.000 m³/h) → Ống thoát khí 1 (OK1).

+ Các nguồn số 03, 04, 05: Khí thải phát sinh từ 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa + 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 1 (xưởng 02) và 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 2 (xưởng 02) → chụp hút → đường ống dẫn khí → tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → quạt hút (công suất: 7.000 m³/h) → Ống thoát khí 2 (OK2).

+ Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ 05 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại xưởng 03 → chụp hút → đường ống dẫn khí → tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → quạt hút (công suất: 7.000 m³/h) → Ống thoát khí 3 (OK3).

+ Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ máy nghiền mảnh nhựa tại tầng 1 – nhà xưởng 01 (5 tầng) → máy hút bụi công nghiệp (quạt hút (công suất: 4.500 m³/h) → túi lọc bụi → miệng xả trực tiếp trên thiết bị) → xả thải ngay trong xưởng.

+ Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ máy nghiền mảnh nhựa tại tầng 1 – nhà xưởng 02 (3 tầng) → máy hút bụi công nghiệp (quạt hút (công suất: 4.500 m³/h) → túi lọc bụi → miệng xả trực tiếp trên thiết bị) → xả thải ngay trong xưởng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

+ Hệ thống xử lý khí thải của 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại tầng 1 (xưởng 01) và 12 dây chuyền máy đùn ống nhựa tại tầng 2 (xưởng 01); công suất: 15.000 m³/h.

+ Hệ thống xử lý khí thải của 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại tầng 1 – xưởng 02 (3 tầng) + 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 1 (xưởng 2) và 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 2 (xưởng 2); công suất: 7.000m³/h.

+ Hệ thống xử lý khí thải của 05 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại nhà xưởng 03; công suất: 7.000m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình đùn ép, dập thành hình nhựa tại nhà xưởng 01 (5 tầng). Toạ độ: X(m) = 2293801; Y(m) = 605888.

- Mẫu khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình cán màng, máy dập thành hình nhựa tại nhà xưởng 02 (3 tầng). Toạ độ: X(m) = 2293801; Y(m) = 606013.

- Mẫu khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình dập thành hình nhựa tại xưởng 03 (1 tầng). Toạ độ: X(m) = 2293738; Y(m) = 605990.

(theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-
2	Propylen oxit	mg/Nm ³	240
3	Etylen oxit	mg/Nm ³	20

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. Chịu trách nhiệm về việc đảm bảo môi trường lao động theo quy định của Bộ Y tế.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực máy nén khí;
- Nguồn số 02: Khu vực cổng ra vào của Công ty;
- Nguồn số 03: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải của 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại tầng 1 (xưởng 01) và 12 dây chuyền máy đùn ống nhựa tại tầng 2 (xưởng 01).
- Nguồn số 04: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải của 03 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa + 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 1 (xưởng 02) và 02 dây chuyền cán màng nhựa tại tầng 2 (xưởng 02).
- Nguồn số 05: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải của 05 dây chuyền máy thành hình các sản phẩm nhựa tại nhà xưởng 03.
- Nguồn số 06: Khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 07: Khu vực máy bơm nhựa

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Tọa độ: $X(m) = 2293786$; $Y(m) = 605440$
- + Nguồn số 02: Tọa độ: $X(m) = 2293830$; $Y(m) = 605288$.
- + Nguồn số 03: Tọa độ: $X(m) = 2293749$; $Y(m) = 605339$.
- + Nguồn số 04: Tọa độ: $X(m) = 2293739$; $Y(m) = 605470$.
- + Nguồn số 05: Tọa độ: $X(m) = 2293683$; $Y(m) = 605355$.
- + Nguồn số 06: Tọa độ: $X(m) = 2293806$; $Y(m) = 606058$.
- + Nguồn số 07: Tọa độ: $X(m) = 2293836$; $Y(m) = 605871$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi giờ 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	20
2	Dầu thủy lực, động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	80
3	Vỏ hộp, thùng bằng nhựa chứa thành phần nguy hại (vỏ hộp dính keo thải)	Rắn	18 01 03	1.000
4	Vỏ hộp, thùng bằng kim loại chứa thành phần nguy hại thải	Rắn	18 01 02	72
5	Giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	30
6	Than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	6.895
7	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	120
8	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất): Keo thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	08 03 01	50
Tổng cộng		-		8.267

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: Vỏ bao nguyên liệu, bao bì; thùng bìa carton, túi nilon thải; bavia thải, sản phẩm nhựa lỗi (không thể tái sử dụng), giấy vụn,... : 1.087,75 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 2.236 kg/tháng ~ 26,832 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải chuyên dụng, dung tích 100 -150 lít/thùng có nắp đậy, kết cấu chống rò rỉ, ăn mòn, có dán mã chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 01 kho, diện tích 15m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông, khay chống tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán mã CTNH, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đảm ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 01 kho có diện tích 35 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông, có cửa ra vào. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có dung tích 50-100 lít/thùng chia ngăn phân loại, đặt ở khu vực văn phòng và khu vực tập trung nhiều hoạt động sản xuất; phân loại chất thải tại nguồn.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
